

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết trung tâm xã Đắc Dục,
huyện Ngọc Hôi, tỉnh Kon Tum tỷ lệ 1/500.**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13, ngày 18/06/2014.

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 05 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg, ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020”;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ Về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia xã nông thôn mới 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 31/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ Xây dựng “Ban hành tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng nông thôn”;

Căn cứ Thông tư số 32/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ Xây dựng “Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng nông thôn”;

Căn cứ Thông tư 41/2013/TT-BNNPTNT, ngày 04/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới”;

Căn cứ Thông tư số 12/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ xây dựng Hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 4972/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2014 về việc ban hành hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông phục vụ Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 do Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải ban hành;

Căn cứ Công văn số 661/SXD-KTQH ngày 01/11/2010 của Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum về Hướng dẫn triển khai lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Hướng dẫn liên ngành số 05/HDLN-SXD-SNNPTNT-STN&MT ngày 14/12/2011 của Sở Xây dựng - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Tài Nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1036a/QĐ-UBND ngày 06/12/2011 của UBND huyện Ngọc Hồi về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Đăk Dục, huyện Ngọc Hồi giai đoạn 2010-2020.

Căn cứ Văn bản số 1563/SXD-QHKT ngày 28/12/2017 của Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum về việc ý kiến nội dung Nhiệm vụ điều chỉnh, bổ sung và Đồ án quy hoạch chi tiết Trung tâm xã Đăk Dục, huyện Ngọc Hồi

Căn cứ quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND huyện Ngọc Hồi về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch chi tiết trung tâm xã Đăk Dục, huyện Ngọc Hồi tỉnh Kon Tum;

Xét Tờ trình số 45/TTr- ngày 28/6 /2018 của UBND xã Đăk Dục về việc xin phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết trung tâm xã Đăk Dục, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum và đề nghị của liên ngành phòng Kinh tế và Hạ tầng, phòng Tài nguyên và Môi Trường, phòng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, phòng Tài Chính - Kế hoạch huyện tại báo cáo thẩm định số 30/BCLN-KT&HT-TN&MT-NN&PTNT-TC-KH ngày 11 /7/2018.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết trung tâm xã Đăk Dục, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, tỷ lệ 1/500 với các nội dung như sau: *(có thuyết minh và các bản vẽ đồ án quy hoạch kèm theo).*

1. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

- **Vị trí quy hoạch:** Thôn Ngọc Hiệp xã Đăk Dục huyện Ngọc Hồi.

- Ranh giới quy hoạch:

+ Phía Bắc giáp: Khu dân cư hiện hữu (*Thôn Dục Nhảy I*)

+ Phía Nam giáp: Đất nông nghiệp hiện hữu (*Thôn Dục Nhảy I*)

+ Phía Đông giáp: Quốc lộ 14 (*Đường Hồ Chí Minh*)

+ Phía Tây giáp: Đất nông nghiệp hiện hữu (*Thôn Dục Nhảy I*)

- **Quy mô lập quy hoạch:** Diện tích lập quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã 20 ha; tỷ lệ 1/500.

2. Tính chất và mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hóa Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Đăk Dục, huyện Ngọc Hồi giai đoạn 2010-2020 đã được UBND huyện Ngọc Hồi phê duyệt tại Quyết định số 1036a/QĐ-UBND ngày 06/12/2011.

- Quy hoạch chi tiết Trung tâm xã Đăk Dục nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tận dụng và khai thác tiềm năng vốn có của khu trung tâm về đất đai, thương mại - dịch vụ, bố trí đất ở mới, chỉnh trang, mở rộng các khu dân cư và các công trình công cộng...

- Bảo tồn, tôn tạo phát huy giá trị truyền thống của xã Đăk Dục.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc tổ chức quản lý xây dựng theo quy hoạch.

3. Quy mô dân số, cơ cấu dân số, lao động:

Bảng 3- 1: Dự báo dân số

TT	Hạng mục	Hiện trạng 2017	Dự báo			
			2020		2025	
			Tổng số	Tăng	Tổng số	Tăng
1	Dân số (người)	340	364	24	498	134
	Số hộ	83	91	8	125	34
2	Tỷ lệ phát triển dân số (%). Trong đó					
	- Tỷ lệ tăng tự nhiên (%)		1,7		1,5	
	- Tỷ lệ tăng cơ học (%)		2,1		5	
3	Số người bình quân/hộ	4,01	4		3,98	

Bảng 3-2: Dự báo lao động

TT	Hạng mục	Hiện trạng 2017	Dự báo	
			2020	2025
I	Dân số trong tuổi LĐ (người)	156	171	240
	- Tỷ lệ % so dân số	46	47	48
II	Phân theo ngành:			
2.1	Lao động nông nghiệp (người)	116	125	168
	- Tỷ lệ % so LĐ làm việc	74	73	70
2.2	Lao động phi nông nghiệp (người)	40	46	72
	- Tỷ lệ % so LĐ làm việc	26	27	30

4. Một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

Đơn vị tính: m²

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu nhiệm vụ phê duyệt	Chỉ tiêu Đồ án
I	Các chỉ tiêu đất đai			
1	Đất ở	m ² /người	≥ 25	156,1
2	Đất cây xanh đô thị	m ² /người	≥ 2	3,8
3	Đất công trình công cộng	m ² /người	≥ 2	11,6
II	Các chỉ tiêu hạ tầng xã hội			
1	Trụ sở HĐND-UBND xã	≥ 1000m ² /công trình	≥ 1000	5890

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu nhiệm vụ phê duyệt	Chỉ tiêu Đồ án
2	Nhà văn hoá xã	$\geq 1000\text{m}^2/\text{công trình}$	≥ 1000	7268
3	Điểm phục vụ bưu chính viễn thông	$\geq 150\text{m}^2/\text{công trình}$	≥ 150	879
4	Trường mầm non Đăk Dục	$\geq 12\text{m}^2/1 \text{ hs}$	≥ 12	14,38
5	Trường tiểu học Đăk Dục	$\geq 10\text{m}^2/1 \text{ hs}$	≥ 10	11,8
6	Trường THPT Phan Chu Trinh	$\geq 10\text{m}^2/1 \text{ hs}$	≥ 10	53,48
7	Chợ	$\geq 1500\text{m}^2/\text{công trình}$	≥ 1500	3943
III	Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật			
1	Cấp nước sinh hoạt	l/ng/ngày.đêm	≥ 80	≥ 80
2	Thoát nước sinh hoạt	% chỉ tiêu cấp nước	≥ 80	≥ 80
3	Rác thải	kg/ng/ngày.đêm	0,8	0,8
4	Cấp điện sinh hoạt	KWh/người/năm	≥ 200	≥ 200

5. Quy hoạch tổng thể mặt bằng không gian quy hoạch kiến trúc các công trình công cộng, dịch vụ, nhà ở và các vật thể kiến trúc khác trong khu vực quy hoạch:

***Các khu chức năng:**

- Đất công trình công cộng:

Giữ nguyên theo hiện trạng đã có, tận dụng tối đa các công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật, cải tạo mở rộng với qui mô phù hợp cho phát triển tương lai. Tránh việc xáo trộn lớn, đền bù giải toả nhiều, ảnh hưởng lớn đến đời sống của nhân dân.

- Đất ở dân cư:

Đất dân cư – thương mại dịch vụ: Phân bố trên các trục đường chính nhằm thúc đẩy quá trình phát triển dân cư và đa dạng hóa các loại hình kinh doanh thương mại trên địa bàn .

Đất ở xây mới: Được bố trí tại các khu vực có quỹ đất xây dựng thuận lợi, không bị sạt lở, lũ quét, mặt đường quy hoạch giao thông.

Xác định các quy mô về diện tích đất đai, định hướng việc tổ chức không gian quy hoạch, định hình được bộ mặt kiến trúc, cảnh quan làm cơ sở cho công tác quản lý và bố trí khu dân cư (kể cả thiết kế và cấp phép các công trình cụ thể sau này).

- Đất công viên, TDTT

Quy hoạch khu công viên TĐTT nằm gần các khu vực trường học và công trình văn hóa để thuận tiện cho việc sinh hoạt của các em học sinh và người dân sinh sống nơi đây.

- Xác định rõ các tuyến giao thông bao gồm chỉ giới đường đỏ, các kích thước lòng lề đường làm cơ sở định vị được ranh giới đất đai các khu ở của dân cư và các công trình được quy hoạch trong khu vực.

- Xác lập các cơ sở quy hoạch để tạo được môi trường sống tốt hơn trong việc bố trí các khu ở của dân. Bao gồm các vấn đề về thông gió, thoát nước bản, tổ chức cây xanh, cấp điện, cấp nước và các vấn đề liên quan đến vệ sinh môi trường khác.

*** Cơ cấu sử dụng đất:**

Bảng Cân bằng sử dụng đất khu trung tâm xã:

TT	Danh mục sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Chiều cao TB (Tầng)	Mật độ XD (%)	Hệ số SĐĐ (Lần)
A	Đất dân dụng		190.534	95,27			
I	Đất ở	CT,N	77.735	38,87			
1	Đất ở hiện trạng chính trang	CT1-CT8	41.735	20,87	1 – 3	50	1,5
2	Đất ở (kết hợp với sân vườn)	D1-D10	36.000	18,00	1 – 3	50	1,5
II	Đất công trình công cộng	YT,GD,C...	39.067	19,53			
1	Đất công trình giáo dục	GD1-GD3	22.821	11,41			
-	Trường mầm non Đăk Dục	GD1	3.595	1,80	1 – 2	40	0,8
-	Trường Tiểu học Đăk Dục	GD2	6.497	3,25	1 – 2	40	0,8
-	Trường THPT Phan Châu Trinh	GD3	12.729	6,36	1 – 3	40	1,2
2	Đất công trình VH-TĐTT	NR,VH,TT	7.268	3,63			
-	Nhà Văn Hóa Xã, khu vui chơi thanh thiếu niên	VH	7.268	3,63	1 – 2	40	0,8
3	Đất Y tế	YT1-YT2	3.192	1,60			
-	Trạm y tế xã	YT1	1.571	0,79	1 – 2	40	0,8
-	Phòng Khám Đa khoa khu vực Đăk Dục	YT2	1.621	0,81	1 – 3	40	1,2
4	Đất công trình công cộng khác	C1-C3	5.786	2,89			
-	Bưu điện xã	C1	879	0,44	1 – 2	40	0,8
-	Chợ thương mại	C2	3.943	1,97	1 – 2	40	0,8
-	Hợp tác xã	C3	964	0,48	1 – 2	40	0,8
III	Đất Thể thao	TT	15.412	7,71			
-	Sân thể thao		15.412	7,71			
IV	Đất giao thông		58.320	29,16			

B	Đất ngoài dân dụng		9.466	4,73			
I	Đất công trình Hành chính - Sự nghiệp	Q1-Q3	7.592	3,80	1 - 2	40	0,8
II	Đất cây xanh công viên	CV	1.874	0,94			
TỔNG CỘNG (A+B)			200.000	100,00			

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

6.1. San nền:

- Tạo hướng dốc địa hình thuận lợi cho việc tổ chức hướng thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt.

- Khai thác tối đa mặt bằng và diện tích đất để tạo quỹ đất xây dựng nhà ở, các công trình dịch vụ công cộng.

- Đối với khu nhà ở hiện trạng, nhà ở chia lô tổ chức nâng, hạ cost nền xây lên cao hơn cost nền đường từ: 0,15-0,5m. Tổ chức hướng dốc nền về phía có hệ thống thoát nước.

- Các khu công trình trụ sở cơ quan, công trình công cộng, công trình văn hóa... khi có điều kiện cải tạo, phục hồi cần chú ý đến nền chung khu vực, tổ chức nâng, hạ cost nền xây lên cao hơn cost nền đường từ: 0,15-0,5m. Tổ chức hướng dốc nền về phía có hệ thống thoát nước.

- Đối với đường giao thông các tuyến hiện có không nâng, hạ cost. Khi xây dựng tuyến mới cần phải tôn trọng địa hình, đầm nén chặt và chú ý đến các công trình ngầm trên tuyến. Các chỉ tiêu kỹ thuật đảm bảo đúng quy trình, quy phạm.

6.2. Thoát nước:

- Hệ thống thoát nước: Thiết kế mạng lưới thoát nước chảy chung.

- Chế độ hoạt động: Thiết kế cống hộp tự chảy có độ dốc $0,3\% \leq i \leq 3,0\%$. Vị trí đặc biệt có độ dốc $i \geq 3\%$ xây dựng hố tiêu năng, giảm độ dốc.

- Chọn kết cấu: Sử dụng kết cấu cống thoát nước bằng mương xây đá hoặc bê tông đập tấm đan với các tiết diện tính toán phù hợp với lưu lượng dòng chảy và tốc độ thoát nước.

- Hướng thoát nước: Nước mưa thoát chính về các hợp thủy rồi chảy ra sông suối trong khu vực.

- Phân lưu vực: Diện tích đất quy hoạch trung tâm xã Đăk Dục, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum được chia ra làm 2 lưu vực chính.

+ Lưu vực 1: Diện tích khu vực phía Đông khu đất quy hoạch có diện tích lưu vực khoảng 9,7ha. Mạng lưới thoát nước mặt được thiết kế hệ thống mương xây đá hoặc bê tông đập tấm đan với kích thước 600x800 – 800x1000 (mm). Chảy dọc các tuyến đường đường sau đó chảy vào hệ thống cống thoát nước ở các hợp thủy

+ Lưu vực 2: Diện tích khu vực phía Đông khu đất quy hoạch có diện tích lưu vực khoảng 10,3ha. Mạng lưới thoát nước mặt được thiết kế hệ thống mương xây đá

hoặc bê tông dầy tấm đan với kích thước 600x800 (mm). Chảy dọc các tuyến đường đường sau đó chảy vào hệ thống cống thoát nước ở các hợp thủy

6.3. Quy hoạch mạng lưới giao thông:

- Mạng lưới giao thông được xây dựng dưới dạng hỗn hợp lấy trục đường Hồ Chí Minh(Quốc lộ 14) và trục liên thôn làm trục xương sống chủ đạo để phát triển mạng lưới giao thông toàn khu, kết nối các khu chức năng với nhau tạo mạng lưới giao thông hoàn chỉnh.

* *Giao thông đối ngoại :*

- Trục đường Hồ Chí Minh(Quốc lộ 14) đi qua khu vực quy hoạch có tổng chiều dài: $L = 432,66\text{m}$. Quy mô mặt cắt ngang đường rộng: $B_n = 50,00\text{m}$. Trong đó :

+ Mặt đường : $B_m = 12,0 \times 2 = 24,0\text{m}$.

+ Vía hè : $B_{vh} = 12 \times 2 = 24\text{m}$.

+ Giải phân cách : $B_{pc} = 2\text{m}$.

Kết cấu mặt đường: Bê tông nhựa.

* *Giao thông nội khu :*

- Các tuyến đường nội khu hình thành các trục chính, trục trung tâm, các đường khu vực và phân khu vực gồm :

+ Mặt cắt 2-2: Tổng chiều dài các tuyến: $L = 1.462,56\text{m}$. Quy mô mặt cắt ngang đường rộng: $B_n = 18,00\text{m}$. Trong đó :

Mặt đường : $B_m = 12,0\text{m}$.

Vía hè : $B_{vh} = 3,0 \times 2 = 6,0\text{m}$.

Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng, láng nhựa hoặc bê tông nhựa.

+ Mặt cắt 3-3: Tổng chiều dài các tuyến: $L = 1.204,53\text{m}$. Quy mô mặt cắt ngang đường rộng: $B_n = 12,00\text{m}$. Trong đó :

Mặt đường : $B_m = 7,0\text{m}$.

Vía hè : $B_{vh} = 2,5 \times 2 = 5,0\text{m}$.

Kết cấu mặt đường : Bê tông xi măng, láng nhựa hoặc bê tông nhựa.

+ Mặt cắt 4-4: Tổng chiều dài các tuyến: $L = 829,01\text{m}$. Quy mô mặt cắt ngang đường rộng: $B_n = 11,00\text{m}$. Trong đó :

Mặt đường : $B_m = 6,0\text{m}$.

Vía hè : $B_{vh} = 2,5 \times 2 = 5,0\text{m}$.

Kết cấu mặt đường : Bê tông xi măng, láng nhựa hoặc bê tông nhựa.

6.4. Quy hoạch cấp điện:

a. *Nguồn cấp điện:* Nguồn cấp điện cho khu quy hoạch được lấy từ lưới điện quốc gia, cụ thể đầu nối từ đường dây 22KV hiện trạng dọc quốc lộ 14.

b. *Mạng lưới và giải pháp quy hoạch lưới điện, trạm biến áp phụ tải:*

- Lưới điện trung thế:

+ Sử dụng điện áp 22KV mạng 3 pha 3 dây được thiết kế đi nổi. Cấp trung thế sử dụng cáp bọc, cách điện XLPE.

- Lưới điện hạ áp:

+ Sử dụng điện áp 380/220V mạng 3 pha 4 dây được thiết kế đi nổi dọc theo hai bên vỉa hè của các tuyến đường giao thông, cột điện BTLT khoảng cột trung bình từ 30m đến 40m; Cấp hạ thế sử dụng cáp bọc vặn xoắn, cách điện XLPE, tiết diện dây dẫn của các xuất tuyến hạ thế được chọn $\geq 95\text{mm}^2$.

- Các trạm biến áp lưới 22/0.4KV: Sử dụng loại trạm treo ngoài trời, không có tường rào, máy biến áp đặt trên trụ BTLT với giá đỡ bằng thép, vị trí đặt trạm trồng trái thuận lợi cho các xuất tuyến. Bán kính phục vụ trung bình không quá lớn (500m với xuất tuyến 3 pha, 300m với xuất tuyến 1 pha và các nhánh rẽ). Chọn 02 trạm biến áp 3 pha 22/0.4KV: 100KVA, 150KVA cấp điện cho toàn bộ khu quy hoạch.

- Hệ thống chiếu sáng công lộ:

+ Hệ thống đèn đường được thiết kế để đảm bảo an toàn giao thông về ban đêm cho các phương tiện cơ giới và người đi bộ trên đường. Các trụ đèn của hệ thống đèn được chọn là trụ BTLT kết hợp với các trụ của lưới trung thế, hạ thế, cần đèn dùng thép ống mạ nhúng kẽm loại gia công phù hợp với đầu trụ của cột BTLT, chiều cao cách mặt đường 8 đến 10m.

+ Cáp chiếu sáng sử dụng sử dụng cáp bọc 0.6/1KV.

+ Kết cấu mạng: 3 pha 4 dây.

+ Điện áp định mức 380/220V.

+ Nguồn sáng dùng loại bóng đèn Sodium có ánh sáng vàng 220V-150W. Cột đèn được tổ chức bố trí một bên hoặc hai bên tùy vào mặt cắt các tuyến đường. Nguồn điện cho các đèn đường được lấy từ các máy biến áp 22/0.4KV 3 pha treo trên cột. Các đèn trong khu quy hoạch được tập trung điều khiển tại tủ điều khiển chiếu sáng gắn kèm theo trạm biến áp cấp nguồn chiếu sáng được điều khiển tự động bằng các role thời gian 0-24 giờ, cho phép điều chỉnh được thời lượng chiếu sáng theo ý muốn, có thể cắt giảm bớt lượng đèn chiếu sáng về khuya để tiết kiệm điện.

- Lưới điện trong khu cơ quan, công trình công cộng... được thiết kế bằng cáp bọc XLPE.

- Lưới điện và phụ kiện đường dây phải tuân thủ các tiêu chuẩn sau: 11TCN 18 đến 21-2006, QCVN 07:2010/BXD, luật điện lực.

6.5. Quy hoạch cấp nước:

a. Hiện trạng hệ thống cấp nước và sử dụng nước:

- Hiện trạng tại khu vực đã có hệ thống cấp nước tập trung theo hình thức cấp nước tự chảy. Nước được dẫn về từ suối, qua bể lọc sơ bộ và hệ thống đường ống dẫn nước và 04 bể chứa, phục vụ cho một số hộ dân và các công trình công cộng gần bể. Một số khu vực xa bể chứa sử dụng giếng khơi để phục vụ sinh hoạt hằng ngày.

- Bể lọc sơ bộ: Được đặt tại cote +680m, thuận tiện cho mạng lưới cấp nước tự chảy tại khu vực. Vào mùa mưa, nước thường bị đục do chưa có công đoạn xử lý cặn và hệ thống xử lý hoàn chỉnh.

b. Giải pháp thiết kế:

* Giai đoạn trước mắt

- Xây dựng mới công trình lắng sơ bộ cho hệ thống.

* Giai đoạn đến năm 2025 (giai đoạn quy hoạch)

- Xây dựng hệ thống trạm xử lý nước hoàn chỉnh. Công suất trạm xử lý: 220 m³/ngày, đảm phục vụ cho khu trung tâm xã và thôn Dục Nhầy III.

- Mạng lưới đường ống

+ Sử dụng loại ống nhựa HDPE và phụ kiện đồng bộ cho toàn bộ mạng lưới.

+ Độ sâu chôn ống tối thiểu là $\geq 0,5m$ tùy thuộc vào các lực tác động bên ngoài và độ bền của ống. Những đoạn ống qua đường phải có biện pháp gia cố và bảo vệ để đảm bảo an toàn. Những đoạn ống nơi không có xe qua lại có thể giảm chiều sâu chôn ống nhưng không được nhỏ hơn 0,3m.

+ Mạng lưới được thiết kế chủ yếu theo dạng mạch vòng (bao gồm 3 mạch vòng chính và một số mạch vòng nhỏ), đảm bảo không gián đoạn cấp nước khi có sự cố đường ống xảy ra.

+ Đường kính ống dẫn nước từ trạm xử lý về khu vực quy hoạch được tính toán thêm lưu lượng nước đến thôn Dục Nhầy III. Tổng lưu lượng cấp nước là: 220,0 m³/ngày.đêm.

+ Cơ sở tính toán áp lực và lựa chọn đường kính ống dựa trên phần mềm Epanet—Chương trình mô phỏng thủy lực mạng lưới cấp nước. Các bảng kết quả tính toán được kèm theo trong phần phụ lục.

+ Các tuyến ống chính sử dụng đường kính DN160, DN110, DN75, các tuyến ống nhánh sử dụng đường kính DN50, DN32. Mạng lưới được thiết kế sao cho đi đến từng nhu cầu sử dụng nhưng vẫn đảm bảo tổng chiều dài của mạng lưới là tiết kiệm nhất có thể.

+ Bố trí van khóa, van xả cặn, van xả khí tại những vị trí thích hợp để thuận tiện trong việc sửa chữa cũng như giúp cho mạng lưới vận hành đạt hiệu quả cao nhất.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy

+ Hệ thống cấp nước chữa cháy được thiết kế đi chung với hệ thống cấp nước sinh hoạt để tiết kiệm chi phí đầu tư.

+ Trên mạng ống cấp nước đô thị dọc theo các tuyến phố, bố trí các họng lấy nước chữa cháy (loại trụ nổi), đảm bảo khoảng cách không vượt quá 300m.

+ Các trụ cứu hỏa được đặt tại các vị trí dễ lấy nước như các ngã giao, trước trụ sở cơ quan..., phải bố trí trên các ống có đường kính không nhỏ hơn 100mm.

6.6. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a. Thoát nước thải:

- Theo nghiên cứu địa hình tự nhiên và theo tính toán tổng lượng nước thải sinh hoạt của người dân của khu vực quy hoạch là không đáng kể vì vậy việc chọn giải pháp thoát nước bản của khu nghiên cứu là hệ thống thoát nước chung.

- Nước thải sinh hoạt từ các hộ gia đình được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung.

- Đối với các gia đình chăn nuôi gia súc sẽ xử lý phân gia súc và nước rửa chuồng trại bằng các bể Biogas

b. Rác thải:

** Giai đoạn đầu:*

- Khuyến khích các hộ dân sử dụng các hình thức tổ hợp vườn, ao chuồng, thùng rác, hầm chứa rác, hố chứa rác tự phân hủy, hố ủ phân hữu cơ tại các hộ gia đình để xử lý rác thải rắn từ sinh hoạt, trồng trọt, chăn nuôi.

- Ngoài ra vận động các hộ dân phân loại chất thải rắn tại gia đình để tái sử dụng rắn không phân hủy.

** Giai đoạn lâu dài:*

- Sau khi xây dựng được hệ thống xử lý chất thải rắn, chất thải sau khi được phân loại sẽ được thu gom tập trung tại các điểm đặt thùng rác, khoảng cách đặt thùng rác tối thiểu 80m. Sau đó rác sẽ được tập kết đến các trạm trung chuyển rác bằng xe đẩy tay và được vận chuyển đến khu chôn lấp chất thải rắn của xã bằng xe cơ giới.

- Công trình thu gom và xử lý:

+ Trạm trung chuyển rác: Được bố trí ở phía Bắc của khu quy hoạch cách khu dân cư 30m để thu gom toàn bộ lượng rác thải của khu vực. Sau đó sẽ được vận chuyển tới bãi chôn lấp chất thải rắn tập trung của xã.

+ Chất thải rắn: Bố trí 1 khu xử lý chất thải rắn tập trung hợp vệ sinh nằm ở phía Tây xã, diện tích 6,2 ha, thu gom và xử lý rác thải cho toàn xã.

c. Nghĩa địa:

Hiện tại khu vực nghĩa địa ở nơi thích hợp, vị trí yên tĩnh, cao ráo, không sạt lở. Nhưng hiện nay chưa có nghĩa trang nhân dân tập trung của xã, do đó cần tiến hành rà soát vị trí đặt nghĩa trang nhân dân tập trung của xã theo đúng định hướng quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới (bố trí nghĩa địa mới nằm ở khu vực phía Tây, cách trung tâm xã 3,7 km, diện tích 8,8 ha, phục vụ cho toàn xã) và các tiêu chí theo quy định.

6.7. Các giải pháp bảo vệ môi trường:

- Từng bước xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, thu gom triệt để các loại nước thải và tổ chức tốt việc thu gom, xử lý chất thải rắn.

- Trong các lô đất xây dựng đảm bảo xây dựng đúng mật độ xây dựng quy định và tổ chức hệ thống vườn hoa, cây xanh nhằm hạn chế tối thiểu chất ô nhiễm khuyết tán trong môi trường không khí.

- Có biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong giai đoạn xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Có giải pháp bảo vệ và bổ sung diện tích cây xanh, cải thiện điều kiện khí hậu trong các khu dân cư hiện có và tăng cường cây xanh ven các tuyến đường nhằm giảm bụi và tiếng ồn.

- Tổ chức thực hiện tốt chương trình giám sát môi trường theo quy định.

7. Các quy định về quản lý không gian, kiến trúc cảnh quan:

a. *Đối với các khu ở:* Công trình nhà ở phải đảm bảo kiến trúc đẹp, mang bản sắc dân tộc và phù hợp với kiến trúc chung của vùng.

b. *Đối với các khu công trình cơ quan hành chính và khu công cộng:* Các công trình cơ quan, công trình công cộng được xây dựng có không gian thoáng, kết hợp kiến trúc hiện đại và truyền thống địa phương.

c. *Đối với các khu công viên cây xanh thể dục thể thao:* Các công trình kiến trúc, văn hóa thể thao... nằm trong đất cây xanh phải đảm bảo kiến trúc thẩm mỹ cao, công trình có không gian cây xanh xung quanh.

8. Các giải pháp tổ chức tái định cư:

Tổ chức tái định tại chỗ trong khu vực quy hoạch cho các hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện việc xây dựng các công trình công cộng.

9. Các dự án ưu tiên đầu tư và tổ chức thực hiện:

a. *Nguyên tắc:*

- Ưu tiên cho xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật như (san nền, giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước) và cơ sở hạ tầng xã hội cấp xã đến cấp đơn vị ở. Mục đích tăng khả năng hấp dẫn và hiệu quả sử dụng cao hơn.

- Ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình trụ sở cơ quan đang có nhu cầu cấp bách.

- Tận dụng tối đa các quỹ đất bằng phẳng, đất trống chưa sử dụng.

- Từng bước giải phóng mặt bằng theo nhu cầu xây dựng của từng cụm, tuyến, trục đường quy hoạch.

b. *Các dự án cần được ưu tiên đầu tư:*

Các dự án cần được ưu tiên đầu tư gồm: Dự án đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông chính của xã, đường giao thông khu dân cư; ưu tiên đầu tư triển khai xây dựng các công trình như: Nhà văn hóa, Sân TDTT, chợ, điểm dịch vụ nông nghiệp,....

c. *Tổng hợp kinh phí đầu tư:*

TT	Hạng mục	Nhu cầu vốn (đồng) Giai đoạn 2017-2020	Nhu cầu vốn (đồng) Giai đoạn 2021-2025
	Tổng cộng	11.268.590.000	58.910.880.000

A	Công trình kiến trúc	6.086.000.000	26.638.000.000
B	Hạ tầng kỹ thuật	5.182.590.000	32.272.880.000
1	Chuẩn bị kỹ thuật	1.998.830.000	5.000.000.000
2	Giao thông	3.959.810.000	16.000.000.000
3	Cấp điện	-	5.755.000.000
4	Cấp nước	-	5.552.630.000

(Có thuyết minh quy hoạch kèm theo)

10. Nguồn vốn: Từ nguồn vốn ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện, xã theo các chính sách hiện hành và những nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Giao cho UBND xã Đắk Dục phối hợp với các cơ quan liên quan, tổ chức thực hiện đúng theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi Trường, Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Chủ tịch UBND xã Đắk Dục và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT HĐND huyện (b/c);
- CT, PCT UBND huyện;
- CVP và PVP phụ trách;
- Lưu VT-XD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Văn Chí